

**CÔNG TY CỔ PHẦN THE OLD SCHOOL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THE OLD SCHOOL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THE OLD SCHOOL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110131950

**3. Ngày thành lập:** 28/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 5, Số 8, Phan Văn Trường, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973205311

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651        |
| 2.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8511        |
| 3.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8512        |
| 4.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8521        |
| 5.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8522        |
| 6.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8523        |
| 7.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8531        |
| 8.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8532        |
| 9.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8533        |
| 10. | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8541        |
| 11. | Đào tạo thạc sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8542        |
| 12. | Đào tạo tiến sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8543        |
| 13. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8551        |
| 14. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8552        |
| 15. | Giáo dục khác chưa được phân vào đầu<br>(Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559(Chính) |
| 16. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy:<br>+ Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                                  | 8560        |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4791        |
| 18. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4741        |
| 19. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 28/09/2022 đến ngày 28/10/2022

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>THƯƠNG | Xóm 5, Thôn<br>Phượng Đầu, Xã<br>An Phượng,<br>Huyện Thanh Hà,<br>Tỉnh Hải Dương,<br>Việt Nam          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 22.500        | 225.000.000              | 45,000       | 0301970098<br>15                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                        | Tổng số                            | 22.500        | 225.000.000              | 45,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | DƯƠNG MỸ<br>HOA      | Số 194 phố Trần<br>Đăng Ninh, Thị<br>Trần Văn Đình,<br>Huyện Ứng Hoà,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 5.000         | 50.000.000               | 10,000       | 0011970055<br>14                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                        | Tổng số                            | 5.000         | 50.000.000               | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                   |                           |        |             |        |              |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ THỊ THU HẰNG | Thôn Đọi Nhì, Xã Tiên Sơn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 22.500 | 225.000.000 | 45,000 | 035195002078 |
|   |                 |                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                   | Tổng số                   | 22.500 | 225.000.000 | 45,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ THU HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/01/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035195002078

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đọi Nhì, Xã Tiên Sơn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đọi Nhì, Xã Tiên Sơn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội